

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN SÌN HỒ

TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 15/2020/HS-ST

Ngày 16 tháng 6 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hằng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Tài và Ông Lê Văn Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chử – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lù Văn H; sinh năm: 1986; nơi sinh: huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: bản TP, xã NH, huyện SH, tỉnh LC; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 00/12; dân tộc: T; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lù Văn G và bà Lù Thị Đ; có vợ là Lò Thị S (tên gọi khác: Lò Thị S) và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/02/2020, tạm giam từ ngày 07/02/2020 đến ngày 28/02/2020 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn N (tên gọi khác: Lò Văn S); sinh năm: 1999; nơi sinh: huyện SH, tỉnh LC; nơi cư trú: bản NH, xã NH, huyện SH, tỉnh LC; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn P và bà Lò Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 03/02/2020, tạm giam từ ngày 06/02/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn H: Ông Nguyễn Công Hưởng

Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước, tỉnh Lai Châu; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1980; trú tại: bản NT 1, xã NT, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Văn H; sinh năm: 1988; trú tại: bản NH 3, xã NH, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Bà Lò Thị S; sinh năm: 1994; trú tại: TP, xã NH, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/7/2019, Lò Văn N đi xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, biển kiểm soát 25B1-409.94 của gia đình Lò Văn H chở H rồi cùng với Lò Văn H (sinh năm: 1990; trú tại: bản TP, xã NH, huyện SH, tỉnh LC) điều khiển 1 chiếc xe máy khác đi từ trung tâm xã NH đến nhà Nguyễn Văn Đ để sửa xe máy của H. Khi đến nhà Đ, trong lúc đang chờ sửa xe, H và H vào nhà Đ uống nước, hút thuốc Lào thì nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7 Plus màu vàng của Đ đang để ở trên bàn, H và H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại mang bán lấy tiền chia nhau. Sau khi H và H đã bàn bạc thống nhất xong thì N đi vào bàn uống nước ngồi hút thuốc Lào. Khi N hút thuốc Lào xong thì H bảo N đi về trước. N đồng ý đi ra và điều khiển xe máy của H về trước. Khi N đi ra khỏi nhà Đ, H ra chỗ Đ đang sửa xe máy nói chuyện với Đ, mục đích là để đánh lạc hướng, tạo cơ hội cho H lấy trộm chiếc điện thoại của Đ. Khi Đ và H nói chuyện, Hoàng lấy chiếc điện thoại của Đ cho vào túi quần rồi đi ra ngoài, điều khiển xe máy chở H đi về xã Noong Hẻo. Đi được khoảng 70 mét thì H và H đuổi kịp N, H nói với N là H và H vừa trộm cắp được một chiếc điện thoại. Khi cả ba người đi đến khu vực trạm xăng dầu thuộc bản Phiêng Chá, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ thì dừng xe lại. H lấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đưa cho N xem, sau đó cả ba người thống nhất mang chiếc điện thoại về xã Noong Hẻo bán lấy tiền chia nhau. Thống nhất khi bán thì nói chiếc điện thoại là của N. Khi đến trung tâm xã Noong Hẻo, cả ba người vào một quán nước ngồi. H lấy chiếc điện thoại ra tháo sim, thẻ và dò mật khẩu bảo vệ màn hình. Khi dò được mật khẩu, H mở điện thoại và xóa hết dữ liệu trong máy, lấy chiếc điện thoại chụp ảnh chung giữa H, H, N, sau đó cài đặt hình ảnh này làm hình ảnh nền của điện thoại. Khoảng 20 giờ cùng ngày, cả ba người mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại của Mai Văn H bán chiếc

điện thoại trộm cắp được cho H lấy 3.000.000 đồng. H là người trực tiếp nhận tiền bán điện thoại, sau khi nhận được tiền, H lấy 200.000 đồng trả cho H để lấy lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 4 của H đã cầm cố tại cửa hàng của H trước đó. Số tiền còn lại 2.800.000 đồng H đưa cho H cầm. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của người bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ đã tiến hành xác minh và triệu tập Lù Văn H, Lò Văn N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Noong Hẻo làm việc. H và N đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Lù Văn H đã giao nộp số tiền 2.795.000 đồng do bán điện thoại trộm cắp mà có (5.000 đồng H đã lấy đi mua nước uống).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 21 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO R7 plus màu vàng đồng, cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm các bị cáo trộm cắp có giá trị là: 3.595.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSSH ngày 20 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị can Lù Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Lò Văn N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố; không oan, không sai.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 25 tháng 5 năm 2020, người bị hại là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu trả chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO R7 plus màu vàng đồng đã bị các bị cáo chiếm đoạt. Không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 25 tháng 5 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn H trình bày: Ngày 13/7/2019 ông H có mua một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R9 của Lù Văn H, Lò Văn N, Lò Văn H với giá 3.000.000 đồng. Khi mua ông H không biết chiếc điện thoại do các bị cáo trộm cắp mà có. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã thu giữ số tiền là 2.995.000 đồng của các bị cáo. Ông H đề nghị được nhận lại số tiền này.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố, bị cáo Lù Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Lò Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lù Văn H 06 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn N 06 đến 09 tháng tù. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, miễn hình phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự; trách nhiệm dân sự; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn H 3.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Lò Văn N 01 chiếc áo sơ mi màu đen, có các họa tiết kẻ trắng cũ, đã qua sử dụng và 01 chiếc quần đùi màu đen, có các họa tiết trang trí màu đỏ, trên quần có dòng chữ adidas, cũ, đã qua sử dụng; trả lại ngay cho bị cáo Lù Văn H 01 chiếc quần dài màu đen, có các dây cạp quần màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc áo phông màu trắng, tại vị trí cổ áo có một hàng dọc gồm 05 cúc áo màu đen, tại vị trí ngực trái có họa tiết màu đen hình con nhện, áo cũ, đã qua sử dụng.

Quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa: Mục đích bị cáo Lù Văn H từ nhà đi không phải là đi trộm cắp tài sản, mà chỉ do hám lợi nhất thời. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp “hành vi phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn”. Do vậy, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn.

Quan điểm tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc các bị cáo trộm cắp chiếc điện thoại đã xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân, dữ liệu phục vụ việc kinh doanh của người bị hại. Do vậy, đây không thuộc trường hợp hành vi của bị cáo chưa gây thiệt hại. Tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị là 3.595.000 đồng không phải là tài sản có giá trị không lớn, nên không đồng ý với ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo H tại phiên tòa; Về việc đề nghị cho bị cáo H được hưởng án treo. Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao, trong “những trường hợp không cho hưởng án treo: ... 2. Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã”, bị cáo H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo. Do đó, không có căn cứ để áp dụng Điều

65 của Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Lù Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 13/7/2019, tại nhà ở của Nguyễn Văn Đ, tại bản Nà Tăm 1, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Lò Văn H và Lù Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO T7 Plus màu vàng đồng, trị giá 3.595.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ. Sau đó rủ Lò Văn N cùng mang đi bán lấy tiền chia nhau. Lò Văn N là người biết rõ chiếc điện thoại trên là do H trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng H và H đem bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do vậy, bị cáo Lù Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lò Văn N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với nhân thân của các bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa về việc đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoa; miễn án phí đối với bị cáo là có căn cứ pháp lý, phù hợp với nhân thân của bị cáo, nên được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “hành vi phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, hành vi

phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành. Các bị cáo sau khi phá được mật khẩu điện thoại đã xóa toàn bộ dữ liệu trong điện thoại của người bị hại, gây thiệt hại về vật chất cũng như tổn hại về tinh thần cho người bị hại. Gây mất trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, hành vi của bị cáo H không thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này. Đối với đề nghị cho bị cáo H hưởng án treo. Sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đã bỏ trốn và đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu ra quyết định truy nã. Nên thuộc những trường hợp không được cho hưởng án treo. Do vậy, đề nghị này của người bào chữa không được chấp nhận.

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Bị cáo H nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội. Vì nông nổi nhất thời, không kìm được lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N dù biết rõ chiếc điện thoại do Lò Văn H cùng Lò Văn H trộm cắp mà có, nhưng vẫn cùng với H, H đi bán chiếc điện thoại đi động do trộm cắp mà có để có tiền chia nhau tiêu sài. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo H không được đi học, bị cáo N học hết lớp 9/12, nhận thức có phần hạn chế. Ông Lò Văn G là bố của bị cáo Lò Văn H là thương binh hạng 1/8. Các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng trong pháp luật của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt tiền. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn H, theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự; không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn N, theo khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, để xử lý đối những vật dụng này không phải là vật chứng trong vụ án, cụ thể: trả lại cho bị cáo Lò Văn N 01 chiếc áo sơ mi màu đen, có các họa tiết kẻ trắng cũ, đã qua sử dụng và 01 chiếc quần đùi màu đen, có các họa tiết trang trí màu đỏ, trên quần có dòng chữ adidas, cũ, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Lò Văn H 01 chiếc quần dài màu đen, có các dây cạp quần màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc áo phông màu trắng, tại vị trí cổ áo có một hàng dọc gồm 05 cúc áo màu đen, tại vị trí ngực trái có họa tiết màu đen hình con nhện, áo cũ, đã qua sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Mai Văn H yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.995.000 đồng là số tiền ông H đã trả cho các bị cáo để mua chiếc điện thoại vào ngày 13/7/2019. Tại thời điểm mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO T7 Plus màu vàng đồng của các bị cáo, ông H không biết chiếc điện thoại này do các bị cáo trộm cắp mà có. Các bị cáo đã phá mật khẩu điện thoại, chụp ảnh của mình làm hình nền để ông H tin chiếc điện thoại mang bán là của các bị cáo nên đã thực hiện giao dịch. Giao dịch mua bán chiếc điện thoại giữa ông H với các bị cáo trong thuộc trường hợp vô hiệu theo quy định tại các Điều 117, 122, 127 của Bộ luật dân sự. Cần áp dụng Điều 131 của Bộ luật dân sự, để trả buộc các bị cáo phải trả lại cho ông H 3.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được của các bị cáo 2.995.000 đồng, còn lại 5.000 đồng bị cáo Lò Văn H đã sử dụng để mua nước uống. Tại phiên tòa bị cáo H tự nguyện trả lại cho ông H 5.000 đồng. Số tiền này bị cáo H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Cần áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, để trả lại cho ông M Văn H 3.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[10] Về trách nhiệm của người có liên quan:

Đối với Lò Văn H là người đã cùng bị cáo Lù Văn H trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7 Plus màu vàng, đồng trị giá 3.595.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ vào khoảng 18 giờ ngày 13/7/2019. Quá trình điều tra, Lò Văn H đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã tách hành vi của Lò Văn H ra thành một vụ án khác để tiếp tục điều tra. Do đó, không xem xét xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lù Văn H; Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn N.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lù Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Bị cáo Lò Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt bị cáo Lù Văn H 08 (tám) tháng tù, được trừ 24 ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo còn phải thi hành 07 tháng 06 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 03/02/2020).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Lò Văn N 01 chiếc áo sơ mi màu đen, có các họa tiết kẻ trắng cũ, đã qua sử dụng và 01 chiếc quần đùi màu đen, có các họa tiết trang trí màu đỏ, trên quần có dòng chữ adidas, cũ, đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Lù Văn H 01 chiếc quần dài màu đen, có các dây cặp quần màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc áo phông màu trắng, tại vị trí cổ áo có một hàng dọc gồm 05 cúc áo màu đen, tại vị trí ngực có họa tiết màu đen hình con nhện, áo cũ, đã qua sử dụng.

3. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 117, 122, 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Ông Mai Văn H 3.000.000 đồng.

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 6 năm 2020); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CQCSĐT CA huyện Sìn Hồ;
- CQTHAHS CA huyện Sìn Hồ;
- CC THADS huyện Sìn Hồ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại; Người có ql, nvlq;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**